



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH HƯNG YÊN**
THÁNG 11 NĂM 2025

HÀ NỘI, THÁNG 11/2025

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 10, ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vt_ttcdbttn@mae.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC	5
2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất	5
2.1.1. Mục nước	5
2.1.2. Chất lượng nước.....	9
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất	11
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)	11
2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp).....	12
2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n).....	14
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất	15
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	15
PHỤ LỤC	17
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT (QCVN 09:2023/BTNMT)	17

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hưng Yên được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Tỉnh Hưng Yên là một tỉnh thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình có diện tích tự nhiên là 2.514,8 km². Trong khu vực này mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hưng Yên gồm 2 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) và tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 660.706m³/ngày, tầng chứa nước qp là 2.265.582 m³/ngày. Đối với tầng chứa nước n, tổng tài nguyên nước dự báo chưa được đánh giá.

Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất trung bình tháng 10, chất lượng nước mùa khô năm 2025 và dự báo mực nước dưới đất hai tháng tiếp theo tại các tầng chứa nước chính, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 14 trên tổng số 18 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: số 10, ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Email: dttnnddat@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

Nhìn chung mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với tháng trước có xu thế dâng tại lớp chứa nước qh_1 , qp_2 , qp_1 , và tầng chứa nước n ; xu thế không rõ ràng tại lớp chứa nước qh_2 . Chất lượng nước trong tỉnh cho thấy hầu hết các thông số nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một số công trình có độ mặn, Mangan, Chì và Amoni vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT.

Dự báo mực nước dưới đất tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế dâng hạ không đáng kể tại lớp chứa nước qh_2 , qh_1 , qp_2 , qp_1 và tầng chứa nước n .

Trong khu vực tỉnh Hưng Yên, thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

Chi tiết xem nội dung bản tin./

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

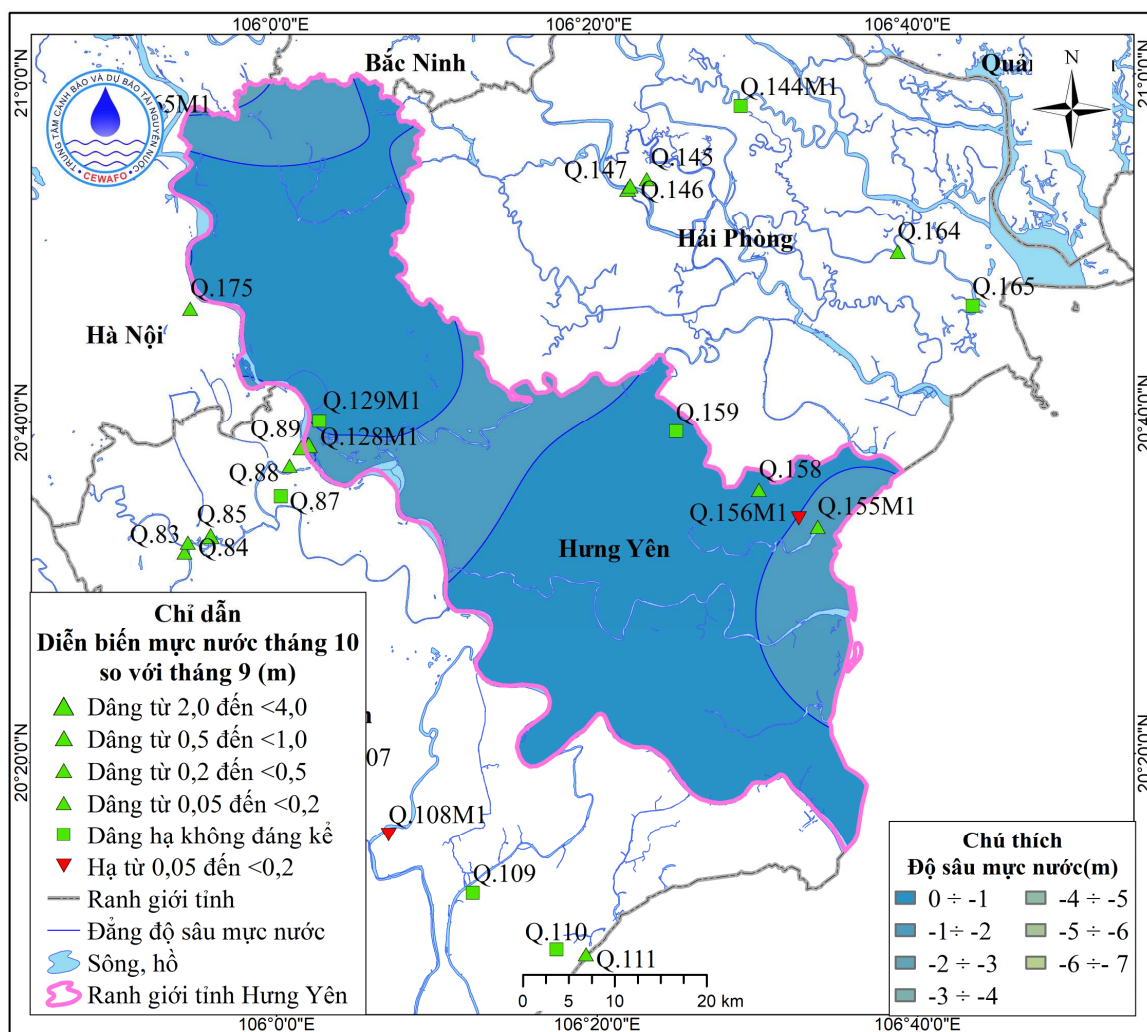
2.1.1. Mục nước

2.1.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế không rõ ràng. Giá trị dâng cao nhất là 0,74m tại phường Phố Hiến (Q.128M1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,06m tại xã Thái Thụy (Q.156M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,21m tại xã Bắc Thụy Anh (Q.158) và sâu nhất là -2,05m tại phường Phố Hiến (Q.128M1).

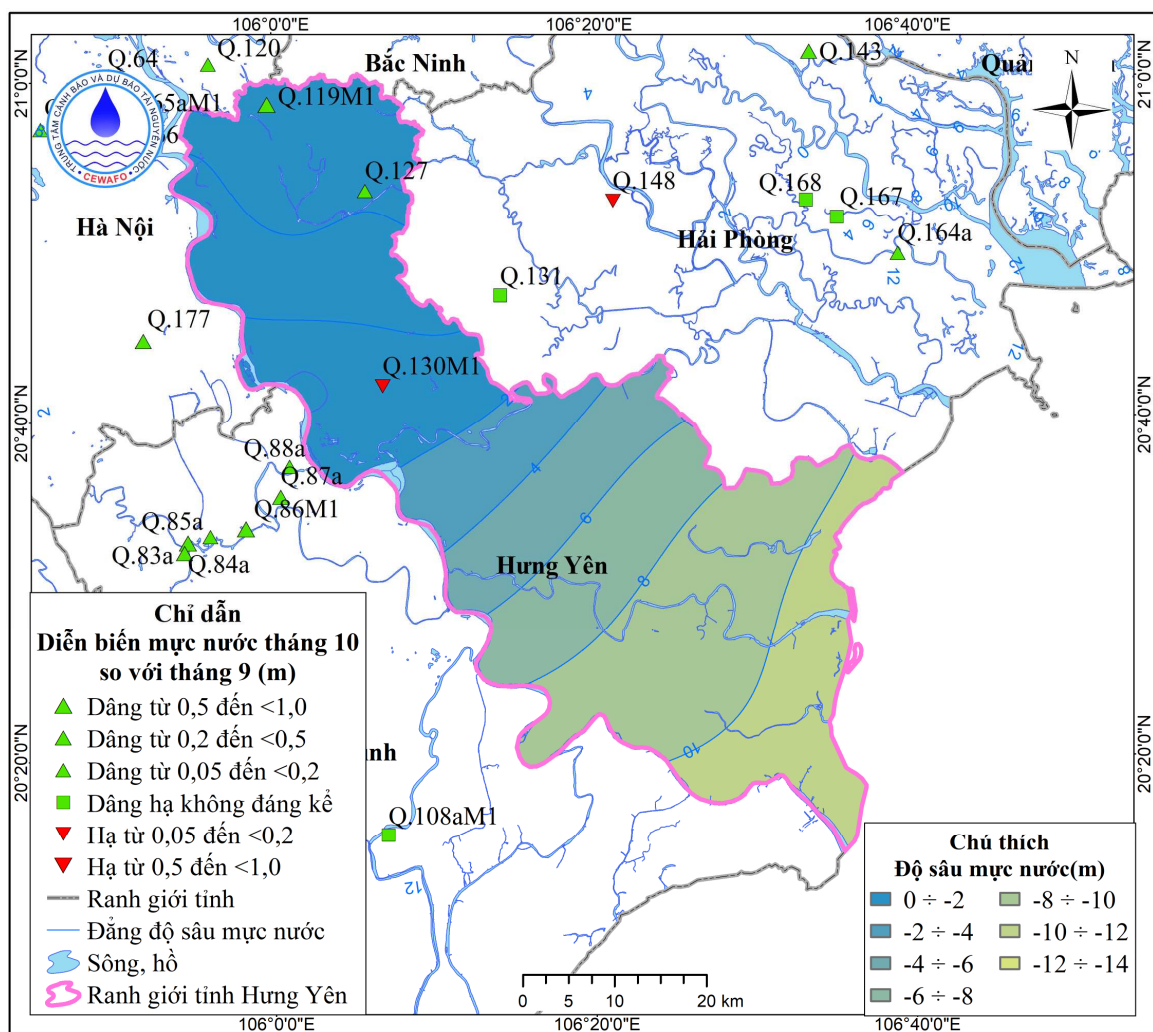


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qh₂

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng. Giá trị dâng cao nhất là 0,73m tại xã Như Quỳnh (Q.119M1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,05m tại xã Hoàng Hoa Thám (Q.130M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,23m tại phường Đường Hào (Q.127) và sâu nhất là -1,87m tại xã Như Quỳnh (Q.119M1).



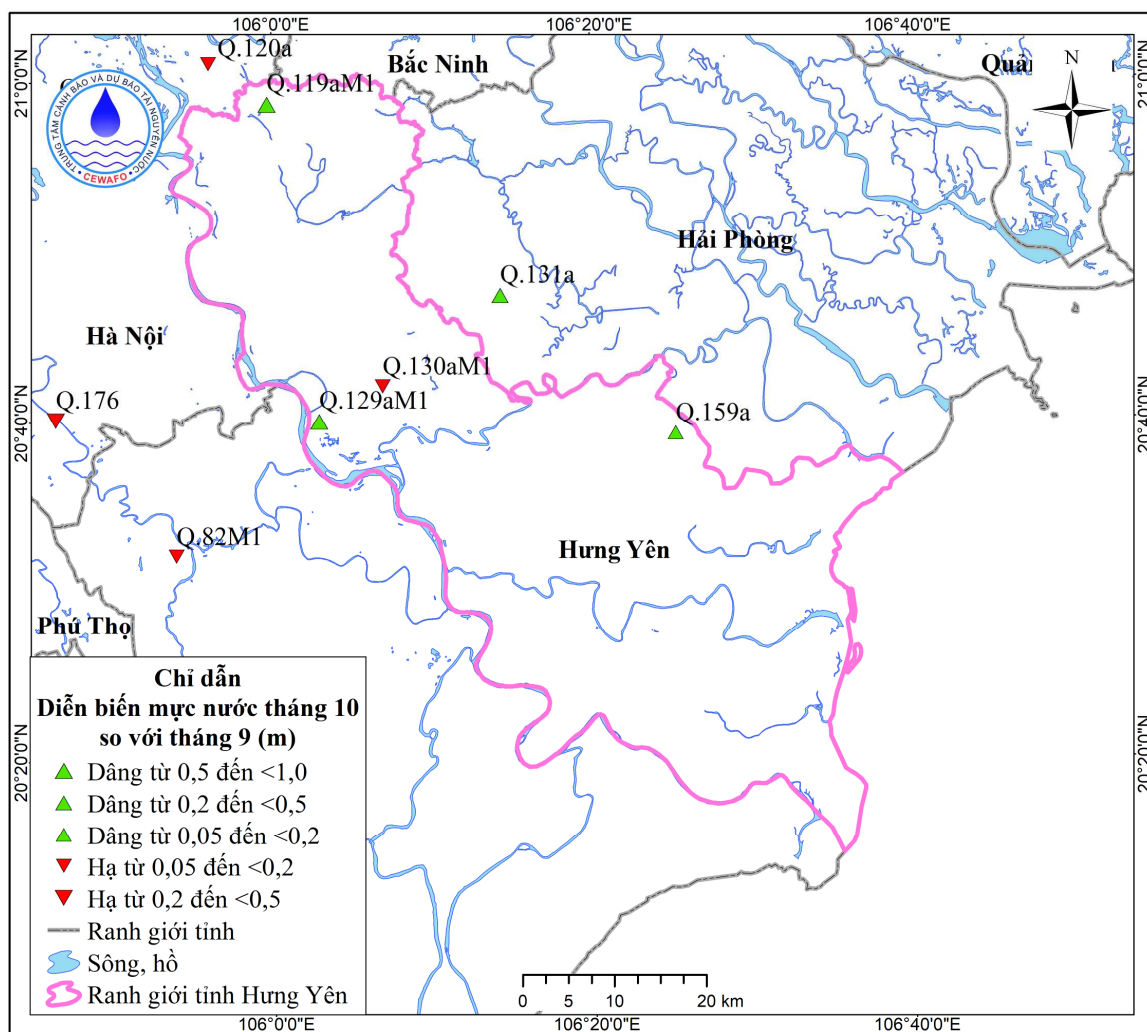
Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qh₁

2.1.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp₂)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng. Giá trị dâng cao nhất là 0,72m tại phường Sơn Nam (Q.129aM1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,07m tại xã Hoàng Hoa Thám (Q.130aM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -2,39m tại phường Sơn Nam (Q.129aM1) và sâu nhất là -7,97m tại xã Như Quỳnh (Q.119aM1).

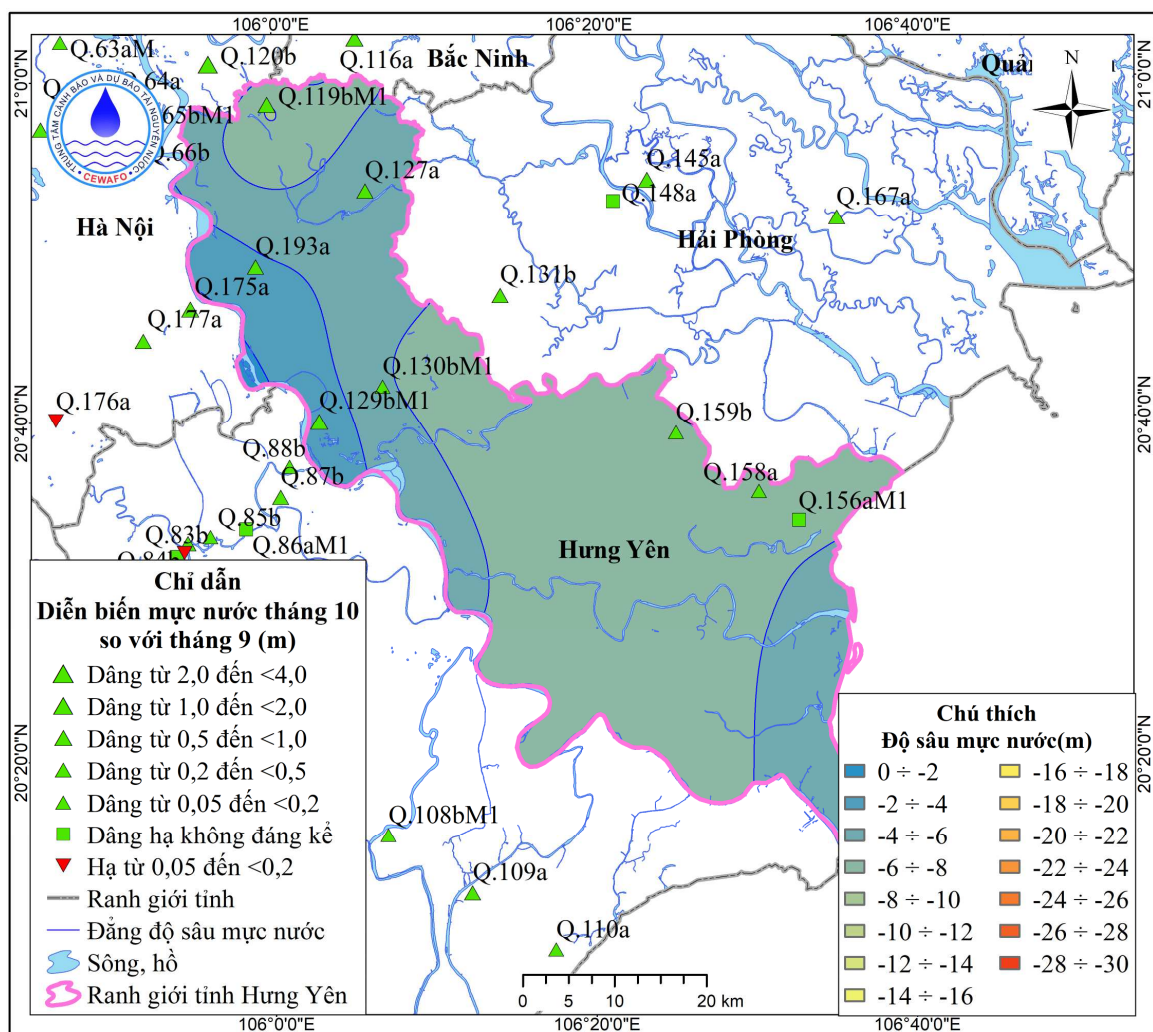


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qp_2

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp_1)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng. Giá trị dâng cao nhất là 0,03m tại xã Thái Thụy (Q.156aM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -6,18m tại xã Như Quỳnh (Q.119bM1) và sâu nhất là -6,21m tại xã Thái Thụy (Q.156aM1).



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qp₁

2.1.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.193b thuộc xã Khoái Châu, mực nước trung bình tháng 10 dâng 0,5m so với tháng 9.

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)					
I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh ₂)					
1	Q.128M1	phường Phố Hiến	-1,67	-2,47	-2,05
2	Q.129M1	phường Sơn Nam	-0,54	-0,69	-0,64
3	Q.155M1	xã Thái Thụy	-1,24	-1,89	-1,60
4	Q.156M1	xã Thái Thụy	-1,00	-1,10	-1,06
5	Q.158	xã Bắc Thụy Anh	0,13	-0,42	-0,22
6	Q.159	xã Phụ Dực	-0,63	-0,95	-0,74
I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh ₁)					

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
1	Q.119M1	xã Như Quỳnh	-1,75	-2,05	-1,87
2	Q.127	phường Đường Hào	-0,19	-0,29	-0,23
3	Q.130M1	xã Hoàng Hoa Thám	-0,76	-0,88	-0,81
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)					
II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp₂)					
1	Q.119aM1	xã Như Quỳnh	-7,84	-8,18	-7,97
2	Q.129aM1	phường Sơn Nam	-2,14	-2,58	-2,39
3	Q.130aM1	xã Hoàng Hoa Thám			
4	Q.159a	xã Phụ Dực	-7,34	-7,43	-7,39
II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)					
1	Q.119bM1	xã Như Quỳnh	-7,82	-8,16	-7,95
2	Q.127a	phường Đường Hào	-4,76	-4,89	-4,81
3	Q.129bM1	phường Sơn Nam	-2,24	-2,69	-2,45
4	Q.130bM1	xã Hoàng Hoa Thám	-5,53	-5,77	-5,65
5	Q.193a	xã Khoái Châu	-3,53	-3,84	-3,66
6	Q.156aM1	xã Thái Thụy	-6,07	-6,23	-6,18
7	Q.158a	xã Bắc Thụy Anh	-6,05	-6,37	-6,21
8	Q.159b	xã Phụ Dực	-7,06	-7,46	-7,26
III. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)					
1	Q.193b	xã Khoái Châu	-3,66	-4,04	-3,80

2.1.2. Chất lượng nước

2.1.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT thông số vượt giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết xem như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích không có công trình vượt GTGH.
- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích không có công trình vượt GTGH.
- Thông số Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích có 5/5 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.129M1 (phường Sơn Nam).

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT thông số vượt giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết xem như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích không có công trình vượt GTGH.
- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích không có công trình vượt GTGH.
- Thông số Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích có 1/3 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.130M1 (xã Hoàng Hoa Thám).

2.1.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

a. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến lợ, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết xem như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 2/4 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.159a (xã Phụ Dực).
- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích không có công trình vượt GTGH.
- Thông số Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích có 1/2 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.130aM1 (xã Hoàng Hoa Thám).

b. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến lợ, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết xem như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): Theo kết quả phân tích có 1/8 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.130bM1 (xã Hoàng Hoa Thám).
- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, thông số Mangan có 4/8 công trình vượt GTGH, vượt lớn nhất tại công trình Q.130bM1 (xã Hoàng Hoa Thám); thông số Chì có 1/8 công trình vượt tại công trình Q.193a (Xã Khoái Châu).
- Thông số Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích có 3/8 công trình vượt GTGH vượt lớn nhất tại công trình Q.129bM1 (phường Sơn Nam).

2.1.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

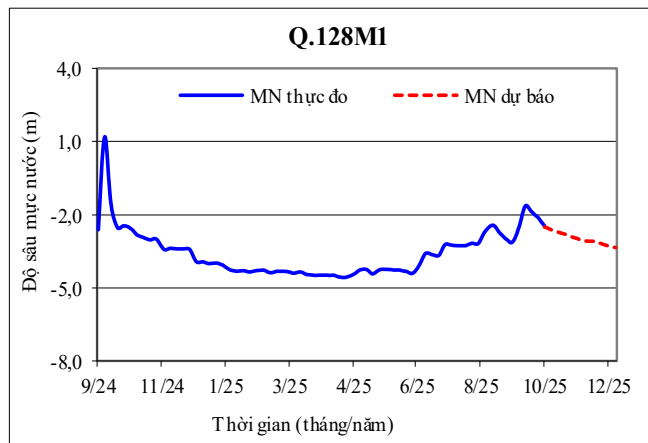
Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình Q.193b (xã Khoái Châu) cho thấy nước thuộc loại nước nhạt. Theo QCVN 09:2023/BTNMT không có thông số vượt GTGH.

2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

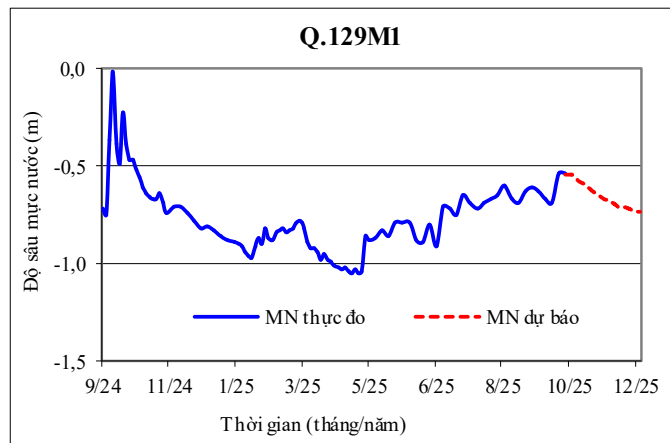
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

2.2.1.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₂)

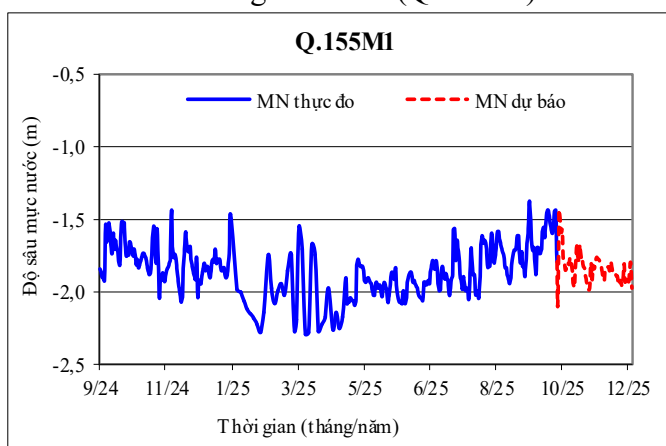
Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, mực nước dao động từ 0,2-0,4m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



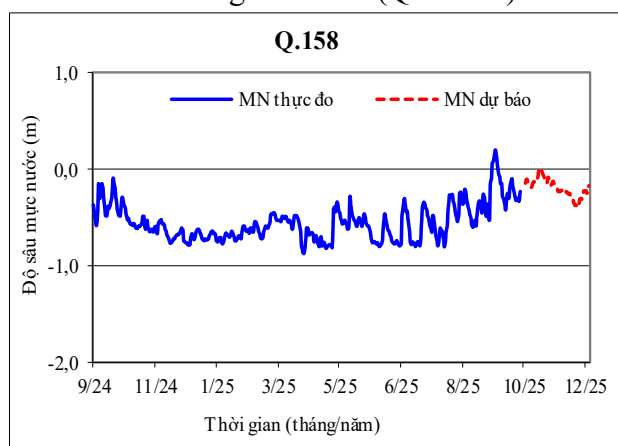
a. Phường Phố Hiến (Q.128M1)



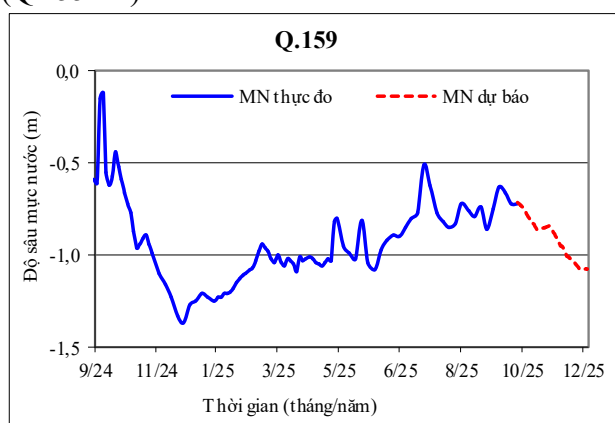
b. Phường Sơn Nam (Q.129M1)



a. Xã Thái Thụy (Q.155M1)



b. Xã Bắc Thụy Anh (Q.158)

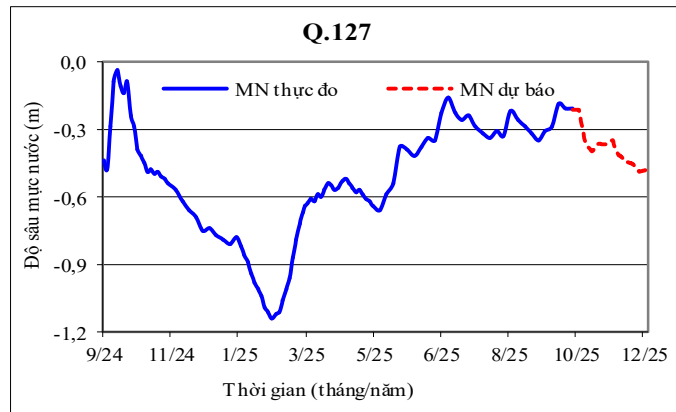


c. xã Phú Dục (Q.159)

Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh₂

2.2.1.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh₁)

Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế #DIV/0!. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q.127 như sau:

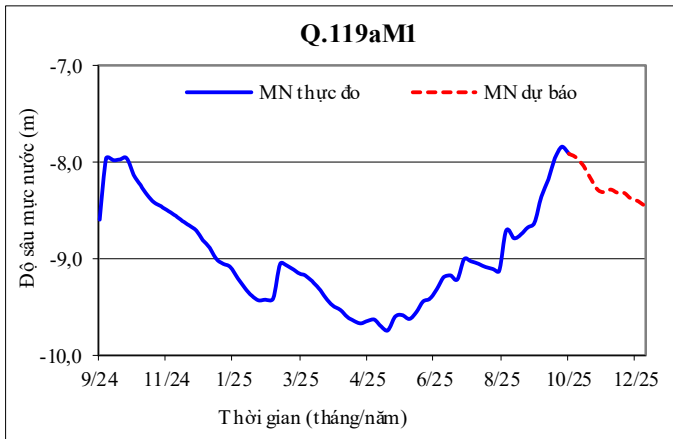


Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước lớp qh_1

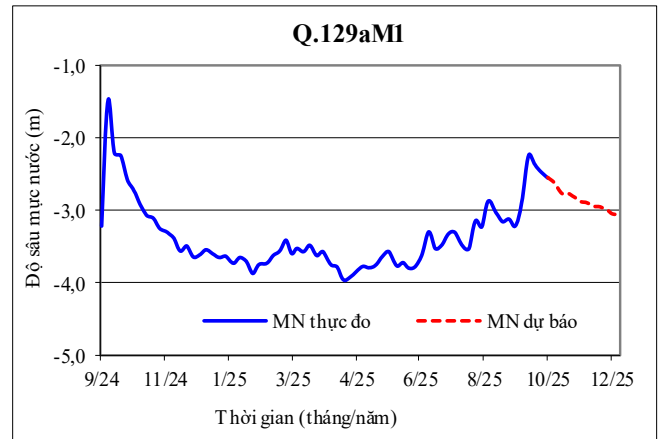
2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

2.2.2.1. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp_2)

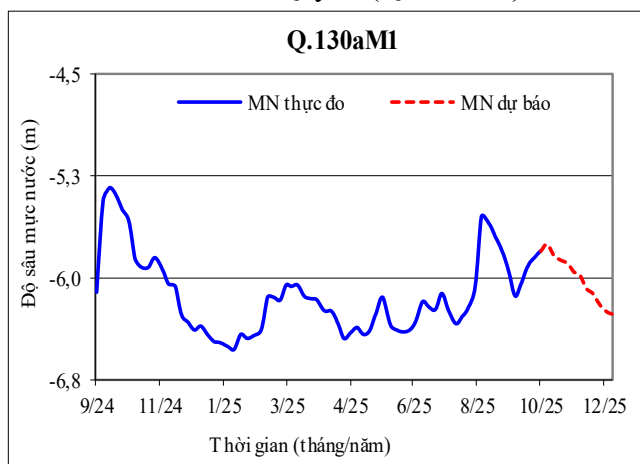
Trong tháng 11 và tháng 12, dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,3– 0,4m, đến tháng 11 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



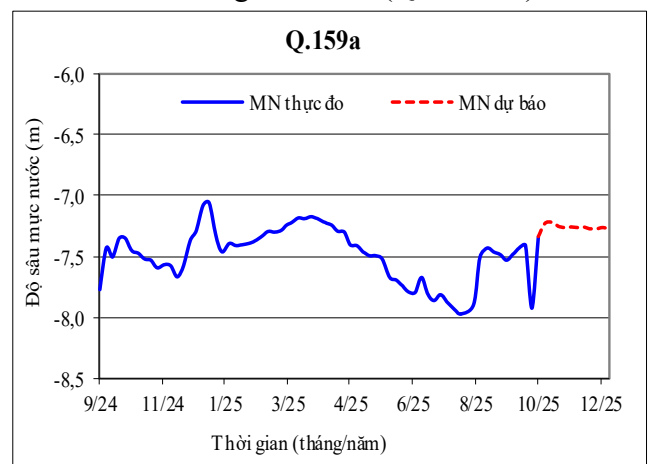
a. Xã Như Quỳnh (Q.119aM1)



b. Phường Sơn Nam (Q.129aM1)



c. Xã Hoàng Hoa Thám (Q.130aM1)

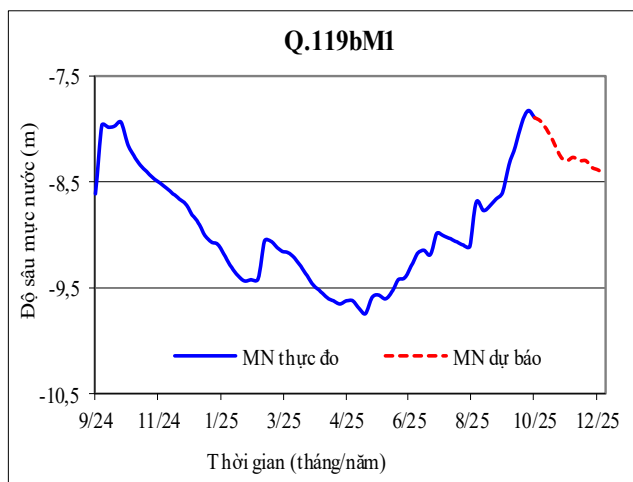


d. Xã Phụ Dực (Q.159a)

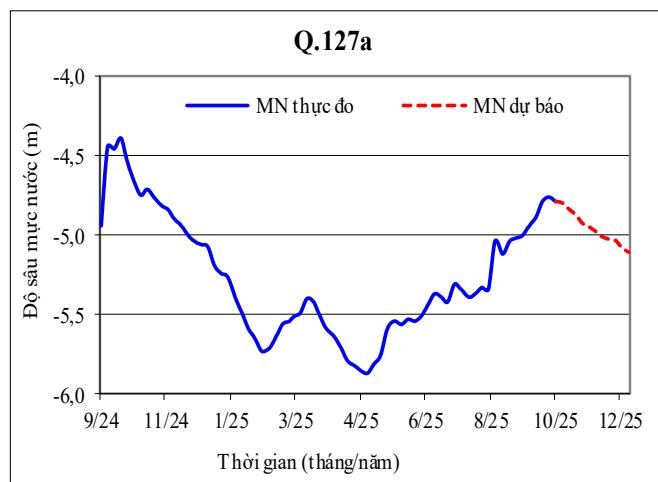
Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp_2

2.2.2.2. Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp_1)

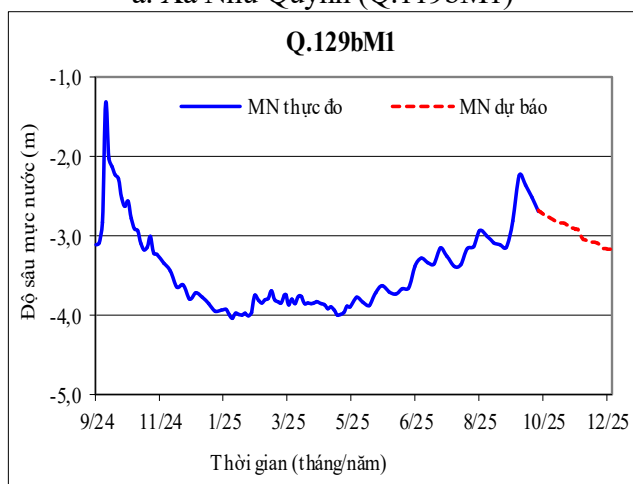
Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1– 0,5m, đến tháng 11 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



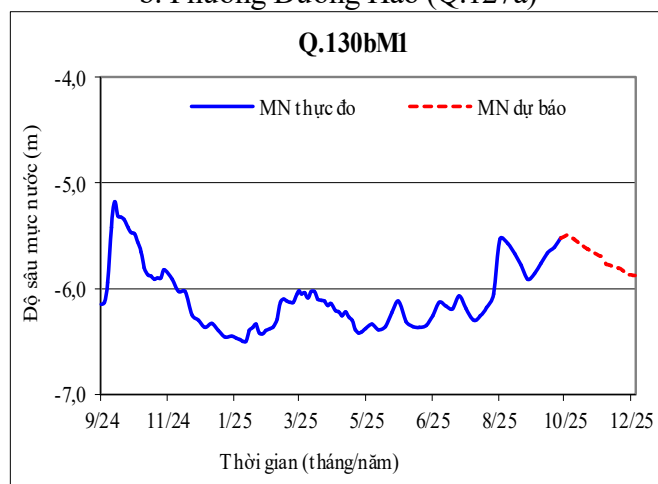
a. Xã Như Quỳnh (Q.119bM1)



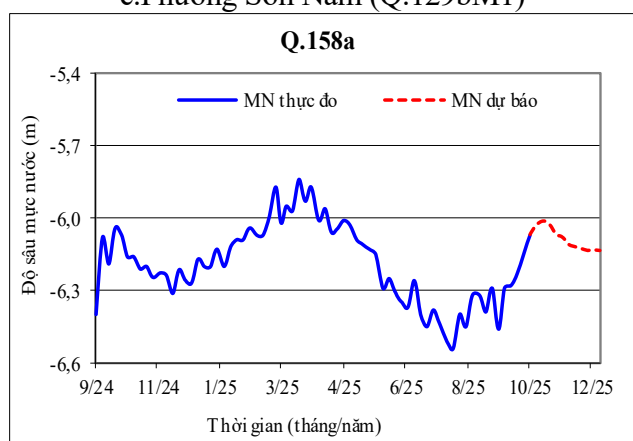
b. Phường Đường Hào (Q.127a)



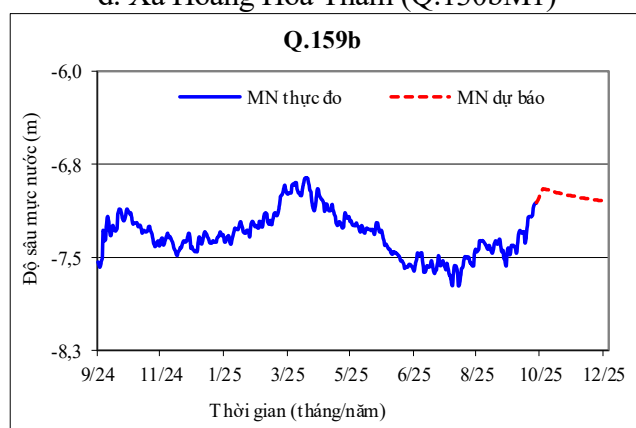
c. Phường Sơn Nam (Q.129bM1)



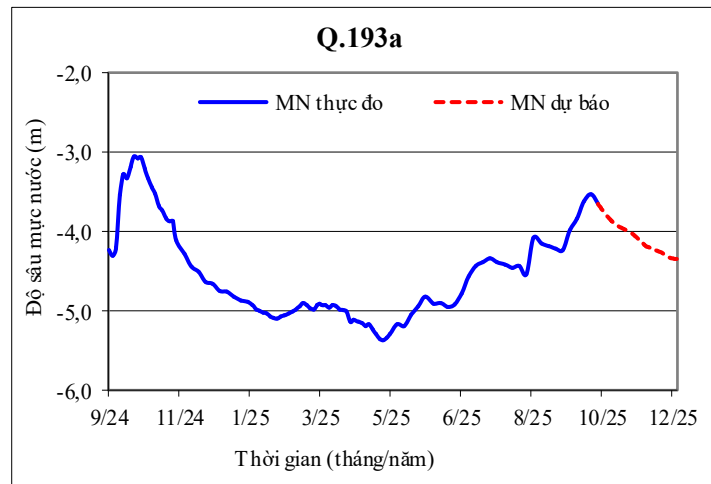
d. Xã Hoàng Hoa Thám (Q.130bM1)



a. Xã Bắc Thụy Anh (Q.158a)



b. Xã Phụ Dực (Q.159b)

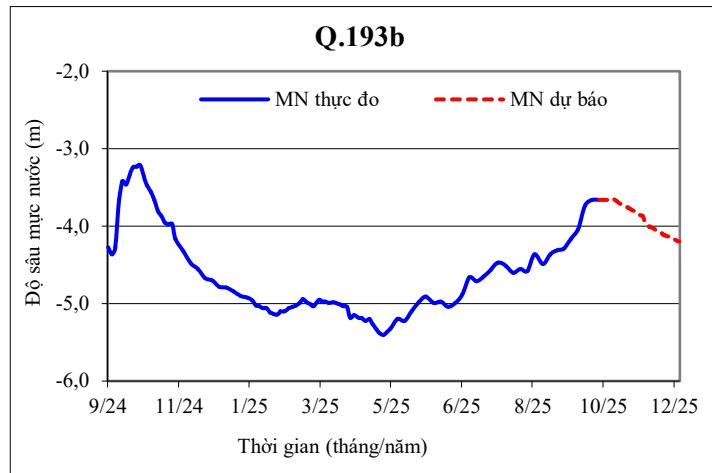


e. Xã Khoái Châu (Q.193a)

Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước lớp qp_1

2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1–0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước công trình Q.193b như sau:



Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước tầng Neogen

Bảng 2. Tổng hợp độ sâu mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)						
I.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh ₂)						
1	Q.128M1	phường Phố Hiến	-2,69	-3,04	-2,86	30/11/2025
2	Q.129M1	phường Sơn Nam	-0,55	-0,67	-0,61	29/11/2025
3	Q.155M1	xã Thái Thụy	-1,76	-1,85	-1,80	18/11/2025
4	Q.156M1	xã Thái Thụy	-1,02	-1,09	-1,05	30/11/2025
5	Q.158	xã Bắc Thụy Anh	-0,07	-0,19	-0,11	29/11/2025
6	Q.159	xã Phụ Dực	-0,77	-0,90	-0,84	30/11/2025
I.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen dưới (qh ₁)						

STT	Công trình	Vị trí	Mức nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
1	Q.119M1	xã Như Quỳnh	-1,47	-1,65	-1,53	06/11/2025
2	Q.127	phường Đường Hào	-0,26	-0,40	-0,36	11/11/2025
3	Q.130M1	xã Hoàng Hoa Thám	-0,83	-0,92	-0,88	06/11/2025
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)						
II.1 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen trên (qp₂)						
1	Q.129aM1	phường Sơn Nam	-2,77	-2,89	-2,83	30/11/2025
2	Q.130aM1	xã Hoàng Hoa Thám	-5,84	-5,98	-5,90	30/11/2025
3	Q.119aM1	xã Như Quỳnh	-8,04	-8,32	-8,22	24/11/2025
4	Q.159a	xã Phụ Dực	-7,21	-7,26	-7,25	18/11/2025
II.2 Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)						
1	Q.119bM1	xã Như Quỳnh	-8,02	-8,30	-8,20	24/11/2025
2	Q.127a	phường Đường Hào	-4,84	-4,98	-4,92	30/11/2025
3	Q.129bM1	phường Sơn Nam	-2,76	-2,93	-2,85	29/11/2025
4	Q.130bM1	xã Hoàng Hoa Thám	-5,51	-5,70	-5,61	29/11/2025
5	Q.193a	xã Khoái Châu	-3,80	-4,10	-3,96	29/11/2025
6	Q.156aM1	xã Thái Thụy	-6,16	-6,21	-6,19	24/11/2025
7	Q.158a	xã Bắc Thụy Anh	-6,01	-6,11	-6,06	30/11/2025
8	Q.159b	xã Phụ Dực	-6,95	-7,01	-6,98	30/11/2025
III. Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)						
1	Q.193b	xã Khoái Châu	-3,64	-3,87	-3,75	29/11/2025

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Khoản 2, Điều 24 của Nghị định 131/2025/NĐ-CP về giới hạn mực nước khai thác, trong tỉnh Hưng Yên thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi tỉnh Hưng Yên chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, tuy nhiên để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong tỉnh và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước trên lưu vực sông nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở tầng chứa nước Pleistocen (qp). Các thông số vượt chủ yếu bao gồm độ mặn, Mangan, Chì và Amoni. Một số khu vực đáng chú ý gồm:

+ Tầng qh: Amoni vượt lớn nhất tại phường Sơn Nam (Q.129M1).
+ Tầng qp: Độ mặn vượt tại xã Phụ Dực (Q.159a); Mangan vượt lớn nhất tại xã Hoàng Hoa Thám (Q.130bM1); Chì vượt lớn nhất tại xã Khoái Châu (Q.193a) và Amoni vượt lớn nhất tại phường Sơn Nam (Q.129bM1).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

PHỤ LỤC
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	GTGH
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO_2^- tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)	mg/l	0,0001
	24	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$)	mg/l	0,001
	28	Diazinon ($\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$)	mg/l	0,02
	29	Parathion ($\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$)	mg/l	0,06
	30	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện